TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **312**/2019/HNGĐ_ST
Ngày: 22/11/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1656/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trang Ngọc M**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 223/93/4B, KP2, P.Quang Vinh, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 223/93/4B, KP2, P.Quang Vinh, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà M có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trang Ngọc M trình bày: Bà M và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1983. Đến ngày 20/9/1993, bà M và ông P mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn ông P đã sỉ nhục, chà đạp nhân phẩm và tra tấn tinh thần của bà. Nay bà xác định đã quá sức chịu đựng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/1992 và chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 03/12/1994. Khi ly hôn 02 con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung khi ly hôn bà M xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Nguyễn Thanh P không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của ông P về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Trang Ngọc M khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà M là nguyên đơn, ông P là bị đơn trong vụ án.

- Ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông P đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Ngọc M và ông Nguyễn Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58 vào ngày 20/9/1993,

đối chiếu các điều 6, 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Bà M xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, ông P thường xúc phạm bà và đến nay bà đã không còn tình cảm gì với ông P nên đề nghị ly hôn với ông P. Theo kết quả xác minh tại địa phương là phường Quang Vinh, nơi ông P bà M sinh sống, thì địa phương không xác định được tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà M và ông P. Tuy nhiên, anh Nguyễn Ngọc Thành T là con trai của ông P bà M xác định ông bà thường xuyên cãi vã nhau, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông P là có thật, bà M cương quyết yêu cầu ly hôn với ông P cho thấy tình cảm giữa các bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông P là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Các con chung của bà M và ông P là anh Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/1992 và chị Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 3/12/1994. Hiện nay, anh T và chị N đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, bà M xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do không có ý kiến của ông P nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Trang Ngọc M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 6, 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Áp dụng các điều 51, 56, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Nguyễn Ngọc Trang, sinh năm 1965 ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1966.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trang Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008772 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà M đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà M và ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Trần Thị Hồng Ngọc – Trương Thị Thìn **Đỗ Minh Nhựt**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND P.Hòa Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt